

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra	TRẮC NGHIỆM	
	DẠNG THỨC 1 Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	DẠNG THỨC 2 Trắc nghiệm Đúng - Sai
Câu	24	4
Điểm	6.0	4.0
Tỉ lệ %	100	

B. NỘI DUNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM ÔN TẬP

NỘI DUNG 1: LIÊN HỢP QUỐC

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc (United Nations - UN)

a. Lịch sử hình thành

* Bối cảnh lịch sử

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), tình hình thế giới có những chuyển biến quan trọng.
- Việc tổ chức thế giới sau chiến tranh càng trở nên cấp bách
- ==> Các nước phe Đồng minh nhận thấy cần thiết lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

* Quá trình hình thành

Thời gian và địa điểm	Hội nghị	Nội dung
Ngày 01-01-1942 tại Mỹ	Oa-sinh-ton	Đại diện 26 nước Đồng minh kí <i>Tuyên bố Liên hợp quốc</i>
Từ ngày 28-11 đến 01-12 năm 1943, tại Iran	Tê-hê- ran	Liên Xô, Mỹ, Anh thỏa thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới (thay thế cho Hội Quốc liên)
Tháng 2- 1945, tại Liên Xô	I-an-ta	Liên Xô, Mỹ, Anh ra quyết định thành lập Liên hợp quốc.
Từ ngày 25-4 đến 26-6 năm 1945, tại Mỹ	Xan Phranxi-xcô	Đại biểu 50 nước tham dự và thông qua <i>bản Hiến chương Liên hợp quốc</i> .
Ngày 24-10-1945		Quốc hội các nước phê chuẩn Hiến chương, Liên hợp quốc chính thức thành lập.

b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

* Mục tiêu

- Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hòa bình thế giới.
- Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người.
- Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những mục tiêu trên.

** Nguyên tắc hoạt động*

- Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia.
- Cấm đe dọa sử dụng vũ lực sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước.
- Tôn trọng nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

2. Vai trò của Liên hợp quốc.

a. Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế

- Liên hợp quốc góp phần ngăn ngừa không để xảy ra cuộc chiến tranh thế giới mới từ sau 1945 đến nay.
- Liên hợp quốc góp phần giải quyết xung đột và tranh chấp nhiều khu vực, khôi phục hòa bình và tái thiết ở nhiều quốc gia.
- Liên hợp quốc xây dựng một hệ thống các công ước, hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị cũng như ngăn chặn phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Liên hợp quốc đã thành công trong việc thúc đẩy quá trình giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, góp phần làm gia tăng số lượng thành viên của Liên hợp quốc hiện nay là 193 nước.

b. Thúc đẩy phát triển

- Liên hợp quốc ưu tiên tạo môi trường kinh tế bình đẳng, hỗ trợ các nước phát triển.
- Liên hợp quốc đề ra chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động hợp tác quốc tế cho mục tiêu phát triển chung, tạo môi trường thuận lợi cho các nước phát triển.
- Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu, lấy phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt.

c. Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.

** Đảm bảo quyền con người*

- Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, khẳng định những quyền cơ bản của con người.
- Văn kiện này làm cơ sở cho việc ra đời hơn 80 công ước và tuyên bố về quyền con người, nhằm đảm bảo thực thi quyền con người.

** Phát triển văn hóa, xã hội*

- Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc đã góp phần thắt chặt sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hóa, xã hội giữa các quốc gia thành viên, đảm bảo các quyền cơ bản của người dân.
- Các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, nhân đạo.

NỘI DUNG 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta (Yalta)

a. Quá trình hình thành

** Hội nghị I-an-ta*

+ Bối cảnh

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) bước vào giai đoạn sắp kết thúc.
- Ba vấn đề quan trọng đặt ra với các nước Đồng minh:
 1. Nhanh chóng đánh bại phát xít.
 2. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
 3. Phân chia thành quả chiến thắng.

- Từ ngày 04 đến ngày 11-02-1945, hội nghị tại I-an-ta (Liên Xô) được triệu tập với sự tham gia của lãnh đạo 3 nước Liên Xô, Mỹ, Anh.

+ Những quyết định của hội nghị

- Thống nhất tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- Thỏa thuận về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á.

+ Hệ quả của hội nghị

- Những quyết định của Hội I-an-ta cùng những thỏa thuận sau đó, đã trở thành một khuôn khổ cho một trật tự thế giới mới: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Đặc trưng: Thế giới chia thành 2 hệ thống đối lập nhau: tư bản chủ nghĩa (do Mỹ đứng đầu) và xã hội chủ nghĩa (do Liên Xô đứng đầu).

b. Quá trình tồn tại

* *Giai đoạn từ 1945 - những năm 1970*: giai đoạn **xác lập và phát triển** của Trật tự thế giới hai cực

+ Về kinh tế

- Tháng 6-1947, Mỹ thực hiện kế hoạch phục hưng châu Âu (kế hoạch Mác-san) viện trợ kinh tế cho Tây Âu.
- Tháng 1- 1949, Liên Xô thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) hợp tác, giúp đỡ các nước Đông Âu.

+ Về quân sự

- Năm 1949, Mỹ và các nước Tây Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- Năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- Chiến tranh lạnh xảy ra, xung đột xảy ra khắp thế giới, nguy cơ chiến tranh hạt nhân thường trực.

* *Giai đoạn đầu những năm 1970 đến 1991*: giai đoạn **suy yếu và sụp đổ** Trật tự thế giới hai cực.

- Đầu những năm 1970, xu thế hòa hoãn của hai bên tiếp tục phát triển; lãnh đạo Liên Xô và Mỹ tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao, đạt được những thỏa thuận hạn chế vũ khí chiến lược.
- Từ nửa sau những năm 1980, Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, bình thường hóa quan hệ.
- Tháng 12-1989, Tổng thống Mỹ (G. Bu-sơ) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô (M. Gôóc-ba-chốp) gặp nhau tại Man-ta, tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô (1991) đã chấm dứt Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

a. Nguyên nhân sụp đổ

- Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài đã làm suy giảm thế mạnh của Mỹ và Liên Xô.
- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển, các nước thế giới thứ ba vươn lên, góp phần phá vỡ khuôn khổ trật tự hai cực.
- Sự vươn lên mạnh mẽ các nước Tây Âu, Nhật Bản, các nước công nghiệp mới (NICs).
- Sự khủng hoảng và sai lầm trong công cuộc cải tổ đã dẫn đến sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các nước phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh, phát triển kinh tế.

b. Tác động

- Sự sụp đổ Trật tự hai cực I-an-ta đã tác động lớn đến tình hình thế giới, một trật tự thế giới mới được hình thành theo xu thế đa cực.

- Sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng, ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực ngày càng gia tăng.
- Trật tự hai cực sụp đổ mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết các tranh chấp, xung đột khu vực.

NỘI DUNG 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

- *Xu thế đa cực*: thể hiện rõ từ đầu thế kỉ XXI, với sự xác lập trật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.
- *Xu thế lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm*: các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm, xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia.
- *Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế*: các nước điều chỉnh quan hệ theo chiều hướng hòa hoãn, đối thoại đa dạng, đa phương hóa.
- *Xu thế toàn cầu hóa*: sự phát triển nhanh chóng nền thương mại thế giới, với vai trò ngày càng lớn các công ty xuyên quốc gia và tính quốc tế hóa của nền tài chính thế giới.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a. Khái niệm đa cực

- Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế, dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm, trong đó không có một chủ thể nào áp đảo cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

b. Xu thế đa cực

- Hình thành các trung tâm với sự cạnh tranh của các quốc gia, khu vực như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Liên minh châu Âu (EU) về sức mạnh, tầm ảnh hưởng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại.
- Nhóm nước đang phát triển có xu hướng tự chủ về tài chính, công nghệ, an ninh- quốc phòng.
- Nhiều trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế đã hình thành như: nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi (BRIC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM), Cộng đồng ASEAN...

NỘI DUNG 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.

a. Quá trình hình thành ASEAN

*** Nguyên nhân hình thành**

- Sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế, nhu cầu hợp tác khu vực trở nên cấp thiết.
- Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết nhau.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các cường quốc bên ngoài đã có sự can dự vào khu vực bên ngoài, các nước trong khu vực muốn liên kết để hạn chế sự can dự bên ngoài.

*** Tiến trình hình thành**

- Tháng 1-1959, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế Đông Nam Á (SEAFET) ra đời.
- Tháng 7-1961, Hiệp hội Đông Nam Á (ASA) được thành lập.
- Năm 1963, khối MAPHIINDO thành lập.
- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

b. Mục đích thành lập ASEAN

- Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội, hướng đến thúc đẩy các nước thành viên phát triển.
- Nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng và thống nhất tất cả các nước thành viên.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Từ khi thành lập, ASEAN có 5 thành viên, đến nay phát triển lên 10 thành viên.
- + Năm 1967: ASEAN-5: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
- + Năm 1984: ASEAN-6: kết nạp thêm Bru-nây.
- + Năm 1995: ASEAN-7: Việt Nam được kết nạp.
- + Năm 1997: ASEAN-9: kết nạp thêm 2 nước Lào và Mi-an-ma.
- + Năm 1999: ASEAN-10: Cam-pu-chia được kết nạp - Timor Leste là nước trong khu vực chưa được kết nạp.

b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ 1967 đến nay)

Giai đoạn	Sự kiện chính
1967 - 1976	Tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, hoàn thiện nguyên tắc hoạt động, ra <i>Tuyên bố về Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập</i> (ZOPFAN)
1976 - 1999	Ra <i>Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN I</i> (Tuyên bố Ba-li); kí <i>Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á</i> (TAC) tạo cơ sở cho sự phát triển và hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên, mở rộng quan hệ ra bên ngoài, mở rộng thành viên lên ASEAN10
1999 -2015	Thông qua <i>Hiến chương ASEAN</i> (2007), thông qua lộ trình xây dựng <i>Cộng đồng ASEAN</i> với 3 trụ cột: Cộng đồng Chính trị -An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASSC)
2015- đến nay	<i>Cộng đồng ASEAN</i> được thành lập, chủ động mở rộng quan hệ hợp tác ra bên ngoài, phát huy vị thế trung tâm tại các diễn đàn hợp tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

NỘI DUNG 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Nội dung	Sự kiện chính
Ý tưởng	- Năm 1967, ASEAN có ý tưởng "<i>xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á</i>" - Tháng 12-1997, Văn kiện <i>Tầm nhìn ASEAN 2020</i> đưa ASEAN thành một nhóm gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc nhau. - Tháng 10 -2003, Kí <i>Tuyên bố Ba-li II</i> đặt nền móng hình thành: <i>Cộng đồng An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội</i>. - Tháng 1-2007, Thông nhất mục tiêu hình thành <i>Cộng đồng ASEAN</i> năm 2015
Mục tiêu	- Xây dựng hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng và ràng buộc. - Gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, trách nhiệm về xã hội, hợp tác với bên ngoài. - Hoạt động theo luật lệ, hướng tới người dân. - Làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác. - Giữ vai trò trung tâm ở khu vực.

Kế hoạch xây dựng	- Tháng 2-2009, thông qua Lộ trình xây dựng <i>Cộng đồng ASEAN</i> giai đoạn 2009 - 2015 kèm theo kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột: <i>Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN</i>. - Tháng 4-2010, thông nhất chủ đề: "<i>Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động</i>". - Tháng 11-2015, ASEAN ra <i>Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ</i> về việc thành lập <i>Cộng đồng ASEAN</i>.
--------------------------	---

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

Ba trụ cột	Đặc điểm	Nội dung chính
Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)	<i>Mục đích</i>	- Tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị - an ninh ASEAN, sống hòa bình trong khu vực và thế giới
	<i>Nội dung chính</i>	- Hoạt động giữa các thành viên dựa trên các giá trị, chuẩn mực chung. - Gắn kết, hòa bình và tự cường, đảm bảo an ninh toàn diện. - Xây dựng một khu vực năng động, quan hệ rộng với bên ngoài.
Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)	<i>Mục đích</i>	- Tạo dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao. - Di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và các luồng vốn. - Phát triển kinh tế đồng đều, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về kinh tế - xã hội.
	<i>Nội dung chính</i>	- Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất. - Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều. - Đưa Cộng đồng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.
Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC)	<i>Mục đích</i>	- Xây dựng một cộng đồng lấy con người làm trung tâm - Xây dựng tình đoàn kết, thống nhất bền lâu giữa các quốc gia, dân tộc. - Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy trao đổi văn hóa, truyền thống trong đa dạng
	<i>Nội dung chính</i>	- Chú trọng phát triển con người - Xây dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau - Đảm bảo môi trường bền vững - Tăng cường nền tảng gắn kết xã hội của khu vực - Tạo dựng bản sắc ASEAN.

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

- Ngày 22-11-2015, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 27 ở Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a), ASEAN thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, tiếp tục củng cố, làm sâu sắc hơn các lĩnh vực hợp tác.

- Tháng 11-2020, tại Hội nghị cấp cao ASEAN 37 ở Hà Nội, ASEAN triển khai soạn theo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, gắn kết nhiều hơn các nội dung hợp tác trên 3 trụ cột, bổ sung các nội dung mới; chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh...hướng tới người dân.

b. Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

** Những thách thức của Cộng đồng ASEAN.*

Các thách thức	Nội dung
<i>An ninh</i>	- Đây là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt. Đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược các nước lớn, trực tiếp là khu vực châu Á- Thái Bình Dương. - Những vấn đề an ninh phi truyền thống như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh... gia tăng, ảnh hưởng đến sự ổn định để phát triển của các quốc gia
<i>Kinh tế</i>	- Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, khoa học công nghệ gây khó khăn cho các nước.
<i>Chính trị</i>	- Sự khác biệt trong hệ thống chính trị cũng ảnh hưởng đến khả năng hợp tác, hòa hợp cộng đồng.

** Những triển vọng của Cộng đồng ASEAN*

- Tiếp tục phát huy đặc trưng "thống nhất trong đa dạng", tạo dựng sự đoàn kết, tự cường, thích ứng trước những biến động phức tạp của thế giới và khu vực, mở rộng quan hệ hợp tác.
- Quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách và các cơ chế được đẩy mạnh, thúc đẩy sự hợp tác và phát triển, đưa Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực phát triển bậc nhất.
- Cộng đồng ASEAN thông qua tổ chức ASEAN ngày càng mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương và trên thế giới.

NỘI DUNG 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

a. Trên thế giới

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết: phát xít Đức đầu hàng Đồng minh, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma (ngày 6-8-1945) và Na-ga-xa-ki (9-8-1945); Hồng quân Liên Xô tấn công quân phiệt Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.
- Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.

b. Trong nước

- Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam góp phần chuẩn bị lực lượng cách mạng, tập dượt quần chúng...Quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa.
- Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
- Từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.
- Từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thời gian	Sự kiện chính
Ngày 14, 15 -8-1945	Một số địa phương phát động khởi nghĩa giành chính quyền

Ngày 16-8-1945	Một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
Ngày 18-8-1945	Nhân dân 4 tỉnh: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất cả nước.
Ngày 19-8-1945	Khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Hà Nội.
Ngày 23-8-1945	Khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Huế
Ngày 25-8-1945	Khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Sài Gòn
Ngày 28-8-1945	Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành được chính quyền.
Ngày 30-8-1945	Tại kinh đô Huế, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị; chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
Ngày 2-9-1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

a. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945

**** Nguyên nhân chủ quan***

- Dân tộc Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, truyền thống bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân Việt Nam đã "đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".
- Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Đông Dương có quá trình chuẩn bị liên tục trong suốt 15 năm, quần chúng nhân dân đã được tập dượt, chuẩn bị và trưởng thành qua các phong trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939 và 1939-1945.

**** Nguyên nhân khách quan***

- Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, trực tiếp là quân phiệt Nhật, buộc Chính phủ Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tạo thời cơ chín muồi để nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền.

b. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

**** Đối với Việt Nam***

- Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc; đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế hơn 1000 năm ở Việt Nam, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đất nước, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.
- Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, tạo ra những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

**** Đối với thế giới***

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, làm suy yếu hệ thống của chủ nghĩa đế quốc.
- Góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đồng thời có ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào và Cam-pu-chia.

c. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

- *Bài học về sự lãnh đạo của Đảng*: Đảng phải có đường lối chính trị, phương pháp cách mạng đúng đắn và vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- *Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc*: Đảng cần tập hợp, tổ chức mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất nhằm phát huy sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân và sức mạnh đoàn kết dân tộc.

- *Bài học về nắm bắt thời cơ*: Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã chứng minh cần nhận định đúng tình hình, chủ động tạo thời cơ và kịp thời chớp thời cơ để đưa cách mạng đi đến thành công.

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Duyệt của BGH